

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NHƯNGM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2019

V/v: Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NHƯNGM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

I. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

1. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huân.

2. Các Hội thẩm nhân dân:

2.1. Ông Nguyễn Đức Tuân;

2.2. Bà Đặng Thị Thêm.

II. Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Long – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

II. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên: Bà Lê Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 44/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 19/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14A/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị H, sinh năm 1972, có mặt tại phiên tòa.

Quê quán, HKTT, trú tại: Thôn Q, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn A (tức Lê Quang A), sinh năm 1971, vắng mặt tại phiên tòa.

Quê quán, HKTT: Thôn Q, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ hiện: Cơ sở điều trị nghiện ma túy thuộc xã X, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Lê Quang X, sinh ngày 19/3/2005, vắng mặt tại phiên tòa.

Người giám hộ cho cháu X là chị Cao Thị H (mẹ đẻ của cháu).

Trú tại: Thôn Q, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

4. Người làm chứng: Chị Cao Thị D, sinh năm 1975, vắng mặt tại phiên tòa.

Trú tại: Thôn Q, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Cao Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn A, sinh năm 1971 đều ở thôn Q, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên kết hôn với nhau lần đầu vào năm 1993 nhưng do quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn nên đến khoảng năm 1998 chị đã làm thủ tục giải quyết ly hôn với anh A và được Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu giải

quyết cho ly hôn ra phán quyết bằng bản án. Tuy nhiên sau đó chị và anh A lại có thời gian quay lại với nhau và hai bên có thêm một con chung nên anh, chị lại làm thủ tục đăng ký kết hôn lại vào ngày 26/01/2005 tại UBND xã C. Khoảng thời gian sau đó quan hệ hôn nhân giữa chị và anh A không được hạnh phúc, lại xảy ra nhiều mâu thuẫn, căng thẳng, bản thân anh A không chịu chăm lo làm ăn, chơi bời, nghiện ngập, nhiều lần vi phạm pháp luật và đến năm 2018 bị xử lý bắt buộc đưa đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện thuộc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Hưng Yên. Đến nay chị xác định hai bên không còn tình cảm, không thể hàn gắn, níu kéo thêm, hai bên không thể sống mãi như hiện tại nên chị làm đơn xin được giải quyết ly hôn với anh A theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã thụ lý vụ án và thông báo cho các bên đương sự đến giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Tuy nhiên do anh A đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở điều trị nghiện ma túy không thể tự ra ngoài nên ngày 10/7/2019 cán bộ Tòa án đã đến Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy để lấy lời khai, quan điểm của anh A và anh A cho biết như sau: Anh xác định việc anh và chị Cao Thị H đến với nhau là tự nguyện, hai bên có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại trụ sở UBND xã C vào khoảng năm 1993. Sau khi kết hôn hai bên chung sống tại địa phương nhưng đến năm 1998 chị H đã làm thủ tục giải quyết ly hôn với anh và được Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu chấp nhận, ra phán quyết bằng bản án. Tuy nhiên đến khoảng năm 1999 hai bên lại về đoàn tụ cùng chung sống, sau đó có thêm một con chung, khoảng năm 2005 hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn lại tại UBND xã C nhưng anh không nhớ rõ ngày, tháng. Trong suốt khoảng thời gian sau đó anh và chị H vẫn bình thường trong quan hệ hôn nhân cho đến khoảng năm 2018 anh bị áp dụng biện pháp hành chính đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc. Trong suốt khoảng thời gian anh đi cai nghiện chị H rất ít khi thăm gặp, có gặp hai bên cũng xung khắc. Tuy nhiên anh vẫn thường xuyên liên lạc về nhà để hỏi thăm chị H và con cái nhưng chị H đều không nghe. Bản thân anh cũng xác định anh mắc nghiện chất ma túy từ trước khi kết hôn với chị H, bản thân chị H có biết và chấp nhận anh. Thời gian gần đây chị H có đến thăm gặp anh và nói chuyện về việc chị xin ly hôn. Sau khi nghe anh có bảo lại chị H suy xét cho kỹ vì con cái. Nay chị H xin giải quyết ly hôn với anh, quan điểm của anh không nhất trí giải quyết ly hôn với chị H vì không muốn con cái phải khổ.

Về con chung: Chị H và anh A đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung, cháu lớn tên là Lê Thùy L, sinh ngày 10/7/1995 và cháu nhỏ là Lê Quang X, sinh ngày 19/3/2005. Hiện cháu L đã trưởng thành, lập gia đình và có cuộc sống riêng, còn cháu Huy đang sống cùng chị H. Đối với cháu L chị H và anh A đều xác định cháu đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết. Riêng đối với cháu X, chị H và anh A đều xác định nếu ly hôn cả hai đều xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu bên kia phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Quan điểm của cháu X cho biết trong thời gian bố mẹ cháu chung sống hay xảy ra mâu thuẫn, bất đồng, sau đó hai bên không còn chung sống cùng nhau nữa. Nay cháu xác định nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với mẹ. Ngoài ra cháu xác định bản đi học và không thay đổi ý kiến nên cháu có đơn xin được giải quyết, xét xử vắng mặt.

Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Quan điểm của chị H và anh A đều xác định không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Tại các tài liệu các bên đương sự cung cấp, Tòa án thu thập, cũng như nội dung xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương xã C và lời khai của người làm chứng cho thấy: Thống nhất như lời khai của chị H và anh A. Ngoài ra còn xác định việc trong giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh của con chung, sổ hộ khẩu không thống nhất trong việc ghi họ tên, năm sinh của chị H, anh A. Trong đó có giấy ghi nhận họ tên, năm sinh của chị H là Cao Thị H, sinh năm 1973 và anh A là Lê Quang A, sinh năm 1971 nhưng có giấy lại ghi nhận là Cao Thị H, sinh năm 1972 và Lê Văn A, sinh năm 1971. Qua xác định thống nhất đây đều là cùng một người và nguyên nhân là do sai sót, nhầm lẫn trong quá trình khai báo, ghi chép khi đi làm giấy. Tên, tuổi chính xác của chị H và anh A là Cao Thị H, sinh năm 1972 và Lê Văn A, sinh năm 1971 theo chứng minh thư nhân dân và sổ hộ khẩu.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị H có mặt giữ nguyên quan điểm, yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn anh A vắng mặt không có yêu cầu thay đổi, bổ sung gì khác chuyển Tòa án so với quan điểm đã trình bày trước đây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án;

2. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điều 227, khoản 3 Điều 228 – BLTTHS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Cao Thị H được ly hôn với anh Lê Văn A (tức Lê Quang A).

- Về con chung: Cần xử giao cháu Lê Quang X, sinh ngày 19/3/2005 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 15/8/2019 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn anh A được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị H và anh A đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Sau nếu các bên có khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

- Áp dụng Điều 147 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Cao Thị H và anh Lê Văn A (tức Lê Quang A) là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống và diễn ra trong suốt thời gian dài, gia

đình đã động viên, khuyên bảo nhiều nhưng không cải thiện được, bản thân anh chị đã từng giải quyết ly hôn sau đó hai bên lại đăng ký kết hôn lại. Tuy nhiên, thời gian sau đó quan hệ hôn nhân cũng không được hạnh phúc. Đến nhưngy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, phù hợp với lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, cùng tài liệu các bên cung cấp và Tòa án xác minh, thu thập. Đến nhưngy chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm, hai bên không thể níu kéo thêm nên chị cương quyết xin giải quyết ly hôn, quan điểm của anh A tuy không nhất trí ly hôn nhưng bản thân anh cũng không còn biện pháp nào để cải thiện mối quan hệ hôn nhân. Do đó, cần xử cho chị H được ly hôn với anh A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Xác định chị H và anh A có 02 con chung, cháu lớn tên là Lê Thùy L, sinh ngày 10/7/1995 và cháu nhỏ là Lê Quang X, sinh ngày 19/3/2005. Hiện cháu L đã trưởng thành, lập gia đình và có cuộc sống riêng nên hai bên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết. Đối với cháu Huy hiện đang sống cùng chị H, quan điểm của chị H và anh A đều xác định nếu ly hôn đều xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu bên kia phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy nguyện vọng xin được nuôi con của chị H và anh A đều là chính đáng. Tuy nhiên do cháu X đang ở ổn định với chị H, bản thân anh A đang phải chấp hành biện pháp xử lý hành chính cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy, đồng thời cháu Huy cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị H. Vì vậy cần xử giao cháu Huy cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 15/8/2019 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu anh A phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn anh A được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Chị H và anh A đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Sau nếu các bên có tranh chấp sẽ khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 – BLTTHS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị H được ly hôn với anh Lê Văn A (tức Lê Quang A).

3. Về con chung: Xử giao cháu Lê Quang X, sinh ngày 19/3/2005 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 15/8/2019 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn anh A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Sau nếu các bên có tranh chấp sẽ khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

5. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo Biên lai thu số 0001276 ngày 26/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và là người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án và nội dung có liên quan đến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 15/8/2019. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Huấn